



Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|---|----------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 – 3 |
| Báo cáo kiểm toán | 4 – 5 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | 7 – 33 |
| <i>Bảng cân đối kế toán</i> | <i>6 – 8</i> |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i> | <i>9</i> |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i> | <i>10 – 11</i> |
| <i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính</i> | <i>12 – 32</i> |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May Hữu Nghị (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ Phần May Hữu Nghị là Doanh nghiệp Nhà nước chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 21/03/2002 của Thủ Tướng Chính phủ.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0302641539 ngày 05/06/2002, Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần 11 ngày 09/12/2024 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số thuế : 0302641539

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất các sản phẩm ngành may ; in nhãn hiệu các loại ; kinh doanh thiết bị, phụ tùng máy may, nguyên phụ liệu ngành may. Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở, máy móc thiết bị ngành may, xe ô tô, xe tải ; kinh doanh bất động sản ; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 32).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ |
|----------------------|------------|
| Ông Hà Văn Duyệt | Chủ tịch |
| Ông Hà Văn Nghĩa | Thành viên |
| Bà Vũ Thị Thùy Dương | Thành viên |
| Ông Hà Văn Long | Thành viên |
| Ông Lê Mạc Thuần | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ |
|------------------|--------------------|
| Ông Hà Văn Duyệt | Tổng Giám đốc |
| Ông Hà Văn Long | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Hà Văn Nghĩa | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Phạm Đức Hà | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Hà Hải Ninh | Giám đốc điều hành |

Bổ nhiệm từ 01/08/2024

Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ |
|------------------------|------------|
| Ông Dương Thanh Tùng | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Thị Hằng Nga | Thành viên |
| Bà Vũ Thị Nụ | Thành viên |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 08 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Hà Văn Duyệt

Số : 1807.01.2/2024/BCTC-NTV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May Hữu Nghị, được lập ngày 08 tháng 03 năm 2025 từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May Hữu Nghị chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Hữu Nghị tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần May Hữu Nghị đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính này tại ngày 05 tháng 03 năm 2024.

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Hạnh
GCNĐKHNT số: 1690-2023-124-1

Lê Mỹ Trang
GCNĐKHNT số: 3764-2021-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 100 | | 620.029.094.940 | 520.762.094.698 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | | 110 | V.01 | 323.365.091.248 | 257.963.398.852 |
| 1. Tiền | | 111 | | 131.465.091.248 | 151.418.484.649 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | | 112 | | 191.900.000.000 | 106.544.914.203 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 130 | | 197.592.954.462 | 105.272.592.155 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | 131 | V.02 | 179.303.686.240 | 87.808.794.198 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 132 | V.03 | 324.708.326 | 8.004.970.706 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | | 136 | V.04 | 17.964.559.896 | 9.458.827.251 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | | 137 | | - | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | | 140 | V.05 | 64.717.891.381 | 73.196.478.616 |
| 1. Hàng tồn kho | | 141 | | 64.717.891.381 | 73.196.478.616 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | | 150 | | 34.353.157.849 | 84.329.625.075 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 151 | | - | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 152 | | 34.263.634.006 | 84.329.625.075 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | 153 | V.11 | 89.523.843 | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| | | | | Đơn vị tính: VND | |
|-------------|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
| B. | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 138.696.632.655 | 128.919.401.512 |
| I. | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. | Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. | Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. | Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. | Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. | Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. | Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| II. | Tài sản cố định | 220 | | 94.334.203.211 | 101.728.583.313 |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.07 | 85.545.807.068 | 92.870.020.503 |
| | - Nguyên giá | 222 | | 360.765.201.041 | 355.738.684.761 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (275.219.393.973) | (262.868.664.258) |
| 2. | Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| | - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | - | - |
| 3. | Tài sản cố định vô hình | 227 | V.08 | 8.788.396.143 | 8.858.562.810 |
| | - Nguyên giá | 228 | | 11.368.644.950 | 11.368.644.950 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (2.580.248.807) | (2.510.082.140) |
| III. | Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| 1. | Nguyên giá | 231 | | - | - |
| 2. | Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | - | - |
| IV. | Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 40.917.859.217 | 21.042.418.477 |
| 1. | Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.09 | 40.917.859.217 | 21.042.418.477 |
| V. | Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. | Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | - | - |
| 5. | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. | Tài sản dài hạn khác | 260 | | 3.444.570.227 | 6.148.399.722 |
| 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.06 | 3.444.570.227 | 6.148.399.722 |
| 2. | Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 758.725.727.595 | 649.681.496.210 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 276.668.317.005 | 229.684.393.098 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 276.668.317.005 | 229.684.393.098 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10 | 38.758.463.516 | 26.224.588.894 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.12 | 38.144.509.114 | 46.509.637.747 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.11 | 21.509.863.759 | 14.159.660.641 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 133.918.441.265 | 97.740.716.750 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.13 | 1.115.817.599 | 1.468.863.223 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 43.221.221.752 | 43.580.925.843 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 482.057.410.590 | 419.997.103.112 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.14 | 482.057.410.590 | 419.997.103.112 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 237.789.000.000 | 237.789.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 237.789.000.000 | 237.789.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (11.000.000) | (11.000.000) |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 108.439.361.400 | 78.809.065.405 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 135.840.049.190 | 103.410.037.707 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước | 421a | | 29.936.178.621 | 29.936.178.621 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 105.903.870.569 | 73.473.859.086 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 758.725.727.595 | 649.681.496.210 |

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Vũ Thị Ngát

Vũ Thị Ngát

Hà Văn Duyệt

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm | |
|--|-------|-------------|--------------------------------|-----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.01 | 1.182.125.636.807 | 869.534.864.259 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 1.182.125.636.807 | 869.534.864.259 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.02 | 983.757.880.202 | 726.801.257.741 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 198.367.756.605 | 142.733.606.518 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.03 | 26.176.202.508 | 21.746.563.078 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.04 | 11.772.024.033 | 7.472.666.373 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 157.910.181 | 175.866.262 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.06 | 22.778.871.746 | 14.422.650.792 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.05 | 58.960.473.255 | 52.544.669.732 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 131.032.590.079 | 90.040.182.699 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.07 | 3.125.240.876 | 1.892.456.195 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.08 | 415.638.380 | 355.775.483 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 2.709.602.496 | 1.536.680.712 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 133.742.192.575 | 91.576.863.411 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.09 | 27.838.322.006 | 18.103.004.325 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 105.903.870.569 | 73.473.859.086 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | 4.009 | 2.746 |

Người lập biểu



Vũ Thị Ngát

Kế toán trưởng



Vũ Thị Ngát

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2025



Hà Văn Duyệt

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | | |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 133.742.192.575 | 91.576.863.411 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT | 02 | | 24.061.957.857 | 29.768.227.462 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (1.510.940.092) | (3.302.538.042) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (4.004.604.889) | (8.426.667.619) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 157.910.181 | 175.866.262 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 152.446.515.632 | 109.791.751.474 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (41.665.096.932) | (1.811.316.967) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 8.478.587.235 | (19.353.648.554) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 | | 40.576.307.386 | (15.772.479.230) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 2.703.829.495 | 4.924.872.062 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (157.910.181) | (175.866.262) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (21.078.430.706) | (23.979.892.013) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (8.536.567.182) | (7.527.877.657) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 132.767.234.747 | 46.095.542.853 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác | 21 | | (36.543.018.495) | (17.479.631.161) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác | 22 | | 233.863.636 | 972.222.222 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (82.793.050.285) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 113.003.050.285 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 3.770.741.253 | 7.454.445.397 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (32.538.413.606) | 21.157.036.458 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 26.313.824.311 | 21.931.916.837 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (26.313.824.311) | (21.931.916.837) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (35.666.700.000) | (35.666.700.000) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>(35.666.700.000)</i> | <i>(35.666.700.000)</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 64.562.121.141 | 31.585.879.311 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 257.963.398.852 | 223.635.054.131 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 839.571.255 | 2.742.465.410 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | | 323.365.091.248 | 257.963.398.852 |

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Vũ Thị Ngát

Kế toán trưởng



Vũ Thị Ngát

Tổng Giám đốc



Hà Văn Duyệt

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

02. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, thương mại và dịch vụ

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất các sản phẩm ngành may ; in nhãn hiệu các loại ; kinh doanh thiết bị, phụ tùng máy may, nguyên phụ liệu ngành may. Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở, máy móc thiết bị ngành may, xe ô tô, xe tải ; kinh doanh bất động sản ; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

05. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính công ty có 2.521 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 2.503 nhân viên).

06. Tuyên bố về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính: Số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, phải trả người bán là tỷ giá bình quân của ba Ngân hàng TMCP Công Thương, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương và Ngân hàng Mitsubishi là 25.275 VND/USD.

03. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có. Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản dùng cho hoạt động sản xuất và các chi phí sản xuất chung liên quan đến hoạt động sản xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------------|---------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 – 07 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 07 năm |

06. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng như các quy định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lương và các khoản trích theo lương của bộ phận bán hàng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí trả trước phân bổ, chi phí quảng cáo, tiếp thị, chi phí bản quyền...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| - Tiền | 131.465.091.248 | 151.418.484.649 |
| + Tiền mặt | 2.498.032.000 | 3.765.163.000 |
| + Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 128.967.059.248 | 147.653.321.649 |
| - Các khoản tương đương tiền (*) | 191.900.000.000 | 106.544.914.203 |
| Cộng | 323.365.091.248 | 257.963.398.852 |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất 3,5%-4,2%/năm.

02. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------|------------------------|-----------------------|
| Bên thứ ba | | |
| Columbia Sportswear | 167.370.348.366 | 78.981.778.233 |
| Mrg Design Llc | - | 302.227.369 |
| SynergyTX Co., Ltd | 8.123.510.870 | 6.714.619.035 |
| Phải thu khách hàng khác | 3.809.827.004 | 1.810.169.561 |
| Cộng | 179.303.686.240 | 87.808.794.198 |

03. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------|----------------------|
| Bên thứ ba | | |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt | - | 6.349.940.000 |
| Kai Cherng Enterprise Co.,Ltd | - | 1.286.280.414 |
| Các khách hàng khác | 324.708.326 | 368.750.292 |
| Cộng | 324.708.326 | 8.004.970.706 |

04. Phải thu khác ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| - Phải thu thuế nhập khẩu tạm nộp | 17.687.297.398 | - | 9.454.411.104 | - |
| - Phải thu khác | 277.262.498 | - | 4.416.147 | - |
| Cộng | 17.964.559.896 | - | 9.458.827.251 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | <i>Giá gốc</i> | <i>Dự phòng</i> | <i>Giá gốc</i> | <i>Dự phòng</i> |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 7.343.034.318 | - | 5.959.223.039 | - |
| - Công cụ, dụng cụ | 31.150.000 | - | 98.085.000 | - |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 15.428.593.042 | - | 8.263.832.434 | - |
| - Thành phẩm | 41.915.114.021 | - | 58.875.338.144 | - |
| Cộng | 64.717.891.381 | - | 73.196.478.617 | - |

06. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------|----------------------|----------------------|
| Công cụ dụng cụ | 3.444.570.227 | 6.148.399.722 |
| Cộng | 3.444.570.227 | 6.148.399.722 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|--|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 180.122.160.682 | 115.043.536.187 | 28.691.897.803 | 31.881.090.089 | 355.738.684.761 |
| Số tăng trong năm | 1.448.032.616 | 12.294.562.000 | 2.412.086.889 | 512.896.250 | 16.667.577.755 |
| - Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 1.448.032.616 | - | - | - | 1.448.032.616 |
| - Mua trong năm | - | 12.294.562.000 | 2.412.086.889 | 512.896.250 | 15.219.545.139 |
| Số giảm trong năm | 6.525.693.587 | 4.314.495.695 | 766.520.000 | 34.352.193 | 11.641.061.475 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | 4.314.495.695 | 766.520.000 | - | 5.081.015.695 |
| - Giảm khác | 6.525.693.587 | - | - | 34.352.193 | 6.560.045.780 |
| Số cuối năm | 175.044.499.711 | 123.023.602.492 | 30.337.464.692 | 32.359.634.146 | 360.765.201.041 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | <i>32.062.533.976</i> | <i>101.594.407.559</i> | <i>15.656.270.167</i> | <i>29.923.951.109</i> | <i>179.237.162.811</i> |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 105.095.007.661 | 107.983.945.250 | 19.039.643.890 | 30.750.067.457 | 262.868.664.258 |
| Số tăng trong năm | 14.558.686.741 | 6.034.846.273 | 2.694.392.529 | 703.865.647 | 23.991.791.190 |
| - Khấu hao trong năm | 14.558.686.741 | 6.034.846.273 | 2.694.392.529 | 703.865.647 | 23.991.791.190 |
| Số giảm trong năm | 6.525.693.587 | 4.314.495.695 | 766.520.000 | 34.352.193 | 11.641.061.475 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | 4.314.495.695 | 766.520.000 | - | 5.081.015.695 |
| - Giảm khác | 6.525.693.587 | - | - | 34.352.193 | 6.560.045.780 |
| Số cuối năm | 113.128.000.815 | 109.704.295.828 | 20.967.516.419 | 31.419.580.911 | 275.219.393.973 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 75.027.153.021 | 7.059.590.937 | 9.652.253.913 | 1.131.022.632 | 92.870.020.503 |
| Số cuối năm | 61.916.498.896 | 13.319.306.664 | 9.369.948.273 | 940.053.235 | 85.545.807.068 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Cộng |
|--|--------------------------|--------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 8.724.076.700 | 2.644.568.250 | 11.368.644.950 |
| Số cuối năm | 8.724.076.700 | 2.644.568.250 | 11.368.644.950 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| <i>Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i> | - | 2.434.068.250 | 2.434.068.250 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số đầu năm | - | 2.510.082.140 | 2.510.082.140 |
| Khấu hao trong năm | - | 70.166.667 | 70.166.667 |
| Số cuối năm | - | 2.580.248.807 | 2.580.248.807 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 8.724.076.700 | 134.486.110 | 8.858.562.810 |
| Số cuối năm | 8.724.076.700 | 64.319.443 | 8.788.396.143 |

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí mua nhà văn phòng trên khu đất thuê của nhà nước đang làm thủ tục chủ quyền nhà và ký hợp đồng thuê đất sang Công ty | 21.042.418.477 | 21.042.418.477 |
| Công trình cải tạo mở rộng phân xưởng 5, 6 của Xí nghiệp 6 | 19.875.440.740 | - |
| Cộng | 40.917.859.217 | 21.042.418.477 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Bên thứ ba</i> | | | | |
| Công ty TNHH Công Nghiệp De Licacy Việt Nam | 5.849.975.491 | 5.849.975.491 | 855.224.530 | 855.224.530 |
| Công ty TNHH Formosa Taffeta VN | 19.175.176.404 | 19.175.176.404 | 1.737.197.647 | 1.737.197.647 |
| Phải trả người bán khác | 13.733.311.621 | 13.733.311.621 | 23.632.166.717 | 23.632.166.717 |
| Cộng | 38.758.463.516 | 38.758.463.516 | 26.224.588.894 | 26.224.588.894 |

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số phải nộp cuối năm |
|-----------------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|-----------------------|
| Thuế nhập khẩu | - | 1.053.062.495 | 126.042.821 | 1.268.629.159 | 89.523.843 | - |
| Thuế TNDN | - | 10.679.865.109 | 27.838.322.006 | 21.078.430.706 | - | 17.439.756.409 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 863.665.828 | 4.548.393.992 | 4.732.951.658 | - | 679.108.162 |
| Thuế nhà thầu | - | 35.016.482 | 1.187.816.549 | 1.174.073.667 | - | 48.759.364 |
| Thuế nhà đất, tiền thuế đất | - | 1.528.050.727 | 3.989.642.527 | 2.198.673.430 | - | 3.319.019.824 |
| Thuế môn bài | - | - | 5.000.000 | 5.000.000 | - | - |
| Các khoản nộp khác | - | - | 23.220.000 | - | - | 23.220.000 |
| Cộng | - | 14.159.660.641 | 37.718.437.895 | 30.457.758.620 | 89.523.843 | 21.509.863.759 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | | Đơn vị tính: VND | |
|--|--|-----------------------|-----------------------|
| 12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| <i>Bên thứ ba</i> | | | |
| Stx Company Limited - Jp | | 36.332.781.927 | 45.727.872.141 |
| Các đối tượng khác | | 1.811.727.187 | 781.765.606 |
| Cộng | | 38.144.509.114 | 46.509.637.747 |
| 13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| <i>Bên thứ ba</i> | | | |
| Kinh phí công đoàn, đoàn phí | | 939.983.456 | 1.231.850.692 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | | 175.834.143 | 237.012.531 |
| Cộng | | 1.115.817.599 | 1.468.863.223 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Đơn vị tính: VND | | | | |
|--|------------------------|---------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Vốn góp của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
| Số dư đầu năm trước | 237.789.000.000 | (11.000.000) | 69.767.927.120 | 90.411.382.848 | 397.957.309.968 |
| Lợi nhuận trong năm trước | | | | 73.473.859.086 | 73.473.859.086 |
| Phân phối lợi nhuận trong năm trước | | | 9.041.138.285 | (60.475.204.227) | (51.434.065.942) |
| - Trích Quỹ đầu tư phát triển | | | 9.041.138.285 | (9.041.138.285) | - |
| - Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | | | (9.041.138.285) | (9.041.138.285) |
| - Chia cổ tức năm 2022 | | | | (35.666.700.000) | (35.666.700.000) |
| - Chi thường lợi nhuận vượt kế hoạch cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký và Kế toán trưởng năm 2022 | | | | (6.726.227.657) | (6.726.227.657) |
| Số dư cuối năm trước | 237.789.000.000 | (11.000.000) | 78.809.065.405 | 103.410.037.707 | 419.997.103.112 |
| Số dư đầu năm nay | 237.789.000.000 | (11.000.000) | 78.809.065.405 | 103.410.037.707 | 419.997.103.112 |
| Lợi nhuận tăng trong năm | | | | 105.903.870.569 | 105.903.870.569 |
| Phân phối lợi nhuận trong năm | | | 29.630.295.995 | (73.473.859.086) | (43.843.563.091) |
| - Trích Quỹ đầu tư phát triển | | | 29.630.295.995 | (29.630.295.995) | - |
| - Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | | | (7.347.385.909) | (7.347.385.909) |
| - Chia cổ tức năm 2023 | | | | (35.666.700.000) | (35.666.700.000) |
| - Chi thường lợi nhuận vượt kế hoạch cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký và Kế toán trưởng năm 2023 | | | | (829.477.182) | (829.477.182) |
| Số dư cuối năm | 237.789.000.000 | (11.000.000) | 108.439.361.400 | 135.840.049.190 | 482.057.410.590 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2024 ngày 21 tháng 4 năm 2024, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

| | Đơn vị tính: VND |
|--|-----------------------|
| | Số tiền |
| Trích Quỹ đầu tư phát triển | 29.630.295.995 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | 7.347.385.909 |
| Chia cổ tức 2023 | 35.666.700.000 |
| Chi thường lợi nhuận vượt kế hoạch cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký và Kế toán trưởng năm 2023 | 829.477.182 |
| Cộng | 73.473.859.086 |

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------|------------------------|------------------|------------------------|------------------|
| | Giá trị (VND) | Tỷ lệ (%) | Giá trị (VND) | Tỷ lệ (%) |
| Tập đoàn Dệt May Việt Nam | 69.533.920.000 | 29,24 | 69.533.920.000 | 29,24 |
| Ông Hà Văn Duyệt | 26.181.740.000 | 11,01 | 26.181.740.000 | 11,01 |
| Vốn góp của cổ đông khác | 142.073.340.000 | 59,75 | 142.073.340.000 | 59,75 |
| Cộng | 237.789.000.000 | 100 | 237.789.000.000 | 100 |

c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|-------------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 23.778.900 | 23.778.900 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 23.778.900 | 23.778.900 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 23.778.900 | 23.778.900 |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại | 1.100 | 1.100 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 1.100 | 1.100 |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 23.777.800 | 23.777.800 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 23.777.800 | 23.777.800 |

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

d. Các quỹ của Công ty

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 108.439.361.400 | 78.809.065.405 |
| Cộng | 108.439.361.400 | 78.809.065.405 |

15. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

| Ngoại tệ các loại | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 4.710.322,23 | 5.407.998,78 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------|--------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán thành phẩm | 1.182.125.636.807 | 869.534.864.259 |
| Cộng | 1.182.125.636.807 | 869.534.864.259 |

02. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 983.757.880.202 | 726.801.257.741 |
| Cộng | 983.757.880.202 | 726.801.257.741 |

03. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 3.770.741.253 | 7.454.445.397 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 22.405.461.255 | 14.273.927.786 |
| Lãi chiết khấu thanh toán | - | 18.189.895 |
| Cộng | 26.176.202.508 | 21.746.563.078 |

04. Chi phí tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------|-----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay | 157.910.181 | 175.866.262 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 10.594.031.510 | 5.507.897.371 |
| Chi phí tài chính khác | 1.020.082.342 | 1.788.902.740 |
| Cộng | 11.772.024.033 | 7.472.666.373 |

05. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 41.982.443.551 | 36.638.256.691 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 1.061.545.667 | 1.047.076.997 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.744.538.272 | 1.161.210.593 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.137.504.311 | 4.169.476.833 |
| Chi phí khác bằng tiền | 9.034.441.454 | 9.528.648.618 |
| Cộng | 58.960.473.255 | 52.544.669.732 |

06. Chi phí bán hàng

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 18.242.651.282 | 10.430.196.822 |
| Chi phí khác bằng tiền | 4.536.220.464 | 3.992.453.970 |
| Cộng | 22.778.871.746 | 14.422.650.792 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Thu nhập khác

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| Lãi thanh lý tài sản cố định | 233.863.636 | 972.222.222 |
| Thu nhập từ bán điện năng lượng mặt trời | 200.344.401 | 275.429.822 |
| Thu nhập từ hỗ trợ chi phí vận chuyển | 2.329.387.635 | - |
| Xử lý công nợ | - | 431.405.687 |
| Thu nhập khác | 361.645.204 | 213.398.464 |
| Cộng | 3.125.240.876 | 1.892.456.195 |

08. Chi phí khác

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------|--------------------|--------------------|
| Phạt chậm nộp và truy thu thuế | 108.955.553 | 290.955.263 |
| Các khoản khác | 306.682.827 | 64.820.220 |
| Cộng | 415.638.380 | 355.775.483 |

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*(*) Chi tiết xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 133.742.192.575 | 91.576.863.411 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 5.449.417.455 | 4.472.308.094 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | - | 6.657.017.974 |
| Thu nhập chịu thuế | 139.191.610.030 | 89.392.153.531 |
| Thu nhập chịu thuế của Hoạt động chịu thuế suất 10% | - | - |
| Thu nhập chịu thuế của Hoạt động chịu thuế suất 20% | 139.191.610.030 | 89.392.153.531 |
| Thu nhập được miễn thuế | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 139.191.610.030 | 89.392.153.531 |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| Thuế TNDN | 27.838.322.006 | 17.878.430.706 |
| Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay | - | 224.573.619 |
| Chi phí thuế thu nhập hiện hành | 27.838.322.006 | 18.103.004.325 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 105.903.870.569 | 73.473.859.086 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông (i) | (10.590.387.056) | (8.176.863.091) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 95.313.483.512 | 65.296.995.995 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 23.777.800 | 23.777.800 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (ii) | 4.009 | 2.746 |

- (i) Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trong năm là phần trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm tính theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế năm nay (căn cứ theo tỷ lệ trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2024 ngày 21 tháng 4 năm 2024).
- (ii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước đã được điều chỉnh lại do trích bổ sung quỹ khen thưởng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024.

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 558.602.967.224 | 394.142.902.155 |
| - Chi phí nhân công | 391.968.363.030 | 306.155.216.099 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 24.061.957.857 | 29.768.227.462 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 52.438.344.341 | 53.249.885.690 |
| - Chi phí khác bằng tiền | 28.630.129.237 | 30.190.356.860 |
| Cộng | 1.055.701.761.689 | 813.506.588.266 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm | |
|---|--------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị | 336.000.000 | 306.000.000 |
| Ông Hà Văn Duyệt | 90.000.000 | 90.000.000 |
| Ông Hà Văn Nghĩa | 84.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Kiều Ngọc Mạnh Hùng (Đến 23/04/2023) | - | 18.000.000 |
| Ông Hà Văn Long | 54.000.000 | 54.000.000 |
| Ông Lê Mạc Thuận | 54.000.000 | 54.000.000 |
| Ông Mai Văn Thiên (Đến 23/04/2023) | - | 18.000.000 |
| Bà Vũ Thị Thùy Dương (Từ 23/04/2023) | 54.000.000 | 36.000.000 |
| Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát | 114.000.000 | 114.000.000 |
| Ông Dương Thanh Tùng | 54.000.000 | 46.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Hằng Nga | 30.000.000 | 38.000.000 |
| Bà Vũ Thị Nụ | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Thu nhập của Tổng Giám đốc | 3.740.677.230 | 4.330.516.698 |
| Lương, thưởng và phúc lợi khác | 3.740.677.230 | 4.330.516.698 |
| Những người quản lý khác | 7.253.454.884 | 7.415.014.082 |
| Lương, thưởng và phúc lợi khác | 7.253.454.884 | 7.415.014.082 |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan khác.

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý

Lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào nhóm các sản phẩm ngành may, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Khu vực địa lý:

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại một số khu vực địa lý, nhưng không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | | | Giá trị hợp lý | |
|--------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|----------------|------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | Giá trị ghi sổ | Dự phòng | Giá trị ghi sổ | Dự phòng | | |
| Tài sản tài chính | | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 323.365.091.248 | - | 257.963.398.852 | - | (*) | (*) |
| Phải thu về cho vay | - | - | - | - | - | - |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 185.653.626.240 | - | 87.808.794.198 | - | (*) | (*) |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | - | - | - | - | (*) | (*) |
| Đầu tư tài chính dài hạn | - | - | - | - | - | - |
| Cộng | 509.018.717.488 | - | 345.772.193.050 | - | | |

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------|------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả cho người bán | 38.758.463.516 | 26.224.588.894 | (*) | (*) |
| Vay và nợ thuê tài chính | - | - | - | - |
| Chi phí phải trả | - | - | - | - |
| Các khoản phải trả khác | 175.834.143 | 237.012.531 | (*) | (*) |
| Cộng | 38.934.297.659 | 26.461.601.425 | | |

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**04. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

| | Đơn vị tính: VND | | | |
|-------------------------|-----------------------|----------------------|------------|-----------------------|
| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
| Số cuối năm | | | | |
| Phải trả cho người bán | 38.758.463.516 | - | - | 38.758.463.516 |
| Vay và nợ | - | - | - | - |
| Chi phí phải trả | - | - | - | - |
| Các khoản phải trả khác | 175.834.143 | - | - | 175.834.143 |
| Cộng | 38.934.297.659 | - | - | 38.934.297.659 |
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả cho người bán | 26.224.588.894 | - | - | 26.224.588.894 |
| Vay và nợ | - | - | - | - |
| Chi phí phải trả | - | - | - | - |
| Các khoản phải trả khác | 237.012.531 | - | - | 237.012.531 |
| Cộng | 26.461.601.425 | - | - | 26.461.601.425 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**06. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN). Số liệu so sánh năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Vũ Thị Ngát

Kế toán trưởng

Vũ Thị Ngát

Tổng Giám đốc



Hà Văn Duyệt

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Trụ Sở Chính:

Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 06 Nguyễn Công Hoan,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

[T] (84-24) 3761 3399

[F] (84-24) 3761 5599

[W] vpaudit.vn

[E] vpa@vpaudit.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 12 Phố Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

98 Vũ Tông Phan, P. An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh